

Bản án số: 57/2024/DS-ST

Ngày: 29 - 7 - 2024

“V/v tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG - TỈNH NAM ĐỊNH.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Kim An;
- Ông Phạm Thế Quang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường** tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Tụ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLST-TCDS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-TCDS ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-TCDS ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị C**, sinh năm 1976; địa chỉ: **Xóm D, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định;**

2. **Bị đơn:** Bà **Phạm Thị Đ** (tên gọi khác **Phạm Thị M**), sinh Năm 1950; địa chỉ: **Xóm A, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định.**

3. **Người làm chứng:** Anh **Ngô Văn Đ1**, sinh năm 1977; địa chỉ: **Xóm A, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định.**

(Chị **C**, bà **Đ**, anh **Đ1** đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Phạm Thị C** trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ làm ăn buôn bán với nhau, chị đã bán thức ăn chăn nuôi cho bà **Đ** là người chăn nuôi lợn. Ngày 10/01/2017, bà **Đ** có đặt vấn đề mua chịu cám của chị về để chăn nuôi lợn được 5 tháng đạt 100kg thì bán để trả tiền cám cho chị cả vốn và lãi. Chị đồng ý và mang cám hàng ngày cho bà nuôi lợn. Tính đến ngày 22/7/2017, bà **Đ** nợ tiền mua hàng của chị là 94.540.000đ, trong thời gian đó vợ

chồng anh Ngô Văn Đ1 xóm 12, xã T đã trả hộ bà Đ 02 lần với số tiền là 32.000.000đ. Như vậy, đến ngày 23/7/2017 bà Đ còn nợ của chị là 62.540.000đ, chị tiếp tục chuyển cầm cho bà Đ vào các ngày 25, 29/7/2017 với số tiền là 7.025.000đ. Tháng 8/2017, chị chuyển tiếp 5 lần cầm với số tiền 5.858.000đ. Như vậy, đến ngày 12/8/2017 tổng số tiền chị cấp cầm cho bà Đ là 75.423.000đ, ngày 13/9/2017 bà Đ đã trả cho chị được 16.000.000đ, tổng số tiền bà Đ còn nợ là 59.423.000đ. Việc mua bán cầm hai bên đều có sổ sách ghi chép và đã chốt nợ với nhau. Mặc dù chị đã đòi nhiều lần nhưng bà Đ vẫn không trả thêm cho chị. Đến năm 2019, Nhà nước có bồi thường lợn bị dịch cho bà Đ là hơn 100.000.000đ, chị đã đến nói bà Đ trả tiền cho chị, nhưng bà Đ vẫn không trả. Nay chị đề nghị Tòa án buộc bà Đ phải trả cho chị số tiền 59.423.000đ, chị không yêu cầu tính lãi.

Người làm chứng là anh Ngô Văn Đ1 trình bày: Quan hệ giữa anh và chị C, bà M là họ hàng với nhau, anh gọi bà M bằng bác họ. Vợ chồng anh có trả hộ cho bà M số tiền 32.000.000đ tiền cầm cho chị C, trả làm 02 lần vào tháng 7/2017 là đúng sự thật. Anh xin được vắng mặt tại các phiên hoà giải và phiên toà xét xử

Đối với bị đơn, bà Phạm Thị Đ (tên gọi khác Phạm Thị M): Do không tổng đạt trực tiếp được văn bản tố tụng cho bà Đ nên Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Đ không chấp hành.

Kết quả làm việc tại Ủy ban nhân dân xã T xác định:

- Về gia đình phía bị đơn bà Phạm Thị Đ: Hiện nay bà Đ vẫn đang làm ăn ở nhà. Toà án nhân dân huyện Xuân Trường đang thụ lý giải quyết vụ án trên và đã nhiều lần báo gọi bà Đ lên làm việc nhưng bà Đ không đến. Việc bà Đ không đến, địa phương có tổng đạt giấy báo của Toà án cho bà Đ rất nhiều lần nhưng bà Đ đều trốn tránh và không hợp tác nhận giấy báo của Toà án.

- Nay chị Phạm Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Phạm Thị Đ phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số nợ gốc là 59.423.000đ. Chị C không yêu cầu bà Đ phải trả lãi. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã T về việc giải quyết vụ án nói trên là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật buộc bà Đ phải có trách nhiệm trả cho chị C số tiền nợ gốc trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 166 của Bộ luật Dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Phạm Thị Đ (tên gọi khác Phạm Thị M) phải trả cho chị C số tiền là 59.423.000đ. Bà Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Đ có mua cám của chị C nhiều lần với số tiền tính đến ngày 22/7/2017, bà Đ nợ tiền mua hàng của chị C là 94.540.000đ, trong thời gian đó vợ chồng anh Ngô Văn Đ1 xóm 12, xã T đã trả hộ bà Đ 02 lần với số tiền là 32.000.000đ cho chị C. Như vậy, đến ngày 23/7/2017 bà Đ còn nợ của chị C là 62.540.000đ. Sau đó, chị C tiếp tục chuyển cám cho bà Đ vào các ngày 25, 29/7/2017 với số tiền là 7.025.000đ. Tháng 8/2017, chị C chuyển tiếp 5 lần cám với số tiền 5.858.000đ. Như vậy, đến ngày 12/8/2017 tổng số tiền chị C cấp cám cho bà Đ là 75.423.000đ, ngày 13/9/2017 bà Đ đã trả cho chị C được 16.000.000đ, tổng số tiền bà Đ còn nợ là 59.423.000đ. Việc mua bán cám hai bên đều có sổ sách ghi chép và đã chốt nợ với nhau. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bà Đ nợ chị C số tiền là 59.423.000đ đồng là có thật. Việc bà Đ không chấp hành giấy báo của Toà án lên làm việc để đưa ra những tài liệu chứng cứ để chứng minh, do đó bà Đ vẫn phải trả chị C số tiền là 59.423.000đ.

[3] Từ những phân tích nhận định nêu trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C về việc kiện đòi nợ bà Đ là hợp pháp. Vì vậy cần buộc bà Đ phải thanh toán trả cho chị C số tiền nợ gốc là 59.423.000đ là phù hợp với Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, chị C chỉ yêu cầu bà Đ trả số nợ gốc và không yêu cầu tính lãi, việc không yêu cầu tính lãi của chị C là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị C được chấp nhận nên bà Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị C đối với bà Phạm Thị Đ (tên gọi khác Phạm Thị M).

2. Buộc bà Phạm Thị Đ (tên gọi khác Phạm Thị M) phải có trách nhiệm trả nợ chị Phạm Thị C số tiền là 59.423.000đ (năm mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi ba

nghìn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền người phải thi hành án chậm thi hành án phải chịu lãi suất hàng tháng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bà **Phạm Thị Đ** (tên gọi khác **Phạm Thị M**) phải nộp 2.970.000đ (hai triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị **Phạm Thị C** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.600.000đ (hai triệu, sáu trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000118 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã Thọ Nghiệp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung